

Số: 36/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Quyết định của Chính phủ: Số 613/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 903/BC-KTNS ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh tầm nhìn quy hoạch

Điều chỉnh tầm nhìn quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 từ **đến năm 2045** thành "**tầm nhìn đến năm 2050**".

2. Điều chỉnh địa danh và phương hướng tổ chức hạ tầng xã hội phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

- Điều chỉnh về địa danh, tên gọi các dự án, các khu chức năng trong quy hoạch, phù hợp với địa danh các xã mới; bỏ địa danh huyện, thị xã, thành phố và địa danh thị trấn (chỉ còn xã, phường).

- Điều chỉnh phương hướng tổ chức đô thị và nông thôn, các hệ thống hạ tầng xã hội theo quy định của các ngành.

3. Điều chỉnh quan điểm phát triển

Điều chỉnh, cập nhật nội dung 05 quan điểm phát triển theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 (gồm các quan điểm về: (1) Về tính phù hợp, kế thừa, sự tuân thủ chủ trương, đường lối, quy hoạch cấp trên; (2) Về định hướng phát triển; (3) Về giải pháp phát triển; (4) Về xã hội và môi trường; (5) Về đảm bảo quốc phòng - an ninh), trong đó, đối với mỗi quan điểm phát triển có rà soát, cập nhật bổ sung các nội dung về: **tăng trưởng xanh, phát triển gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.**

4. Điều chỉnh mục tiêu quy hoạch

Điều chỉnh, cập nhật mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2026 - 2030; trong đó:

4.1. Điều chỉnh mục tiêu tổng quát thành:

Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 11% trở lên; chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn, giá trị tăng thêm cao, du lịch và dịch vụ logistics. Phát triển đột phá khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản trị, năng suất lao động, sức cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung Bộ, từng bước trở thành trung tâm công nghệ cao về y học và dược học. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Cải thiện rõ nét đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa thuộc nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc. Sau năm 2030 đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển của đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương.

4.2. Rà soát, cập nhật lại các mục tiêu cụ thể, gồm: Điều chỉnh 10 chỉ tiêu gồm: (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 điều chỉnh

theo mục tiêu Nghị quyết là 11% trở lên; (2) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 điều chỉnh theo mục tiêu Nghị quyết là 7.900 USD trở lên; (3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 điều chỉnh theo mục tiêu Nghị quyết là 840.000 tỷ đồng trở lên; (4) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030; (6) Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới điều chỉnh thành có ít nhất 80% số xã; (6) Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn điều chỉnh theo mục tiêu Nghị quyết là 55%; (7) Số bác sỹ trên 1 vạn dân điều chỉnh từ 15 bác sỹ lên thành 19 bác sỹ/10.000 dân; (8) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hằng năm từ 1% trở lên; (9) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%; (10) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên; phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chí "tỉnh không ma tuý"; bổ sung 11 chỉ tiêu gồm: Bổ sung 11 chỉ tiêu, gồm: (1) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 90 triệu đồng/người; (2) Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 5,2; (3) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%; (4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên; (5) Số doanh nghiệp thành lập mới 5 năm giai đoạn 2026-2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên; (6) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 7% trở lên; (7) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên; (8) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 05 năm giai đoạn 2026-2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên; (9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên; (10) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên; (11) 100% số xã, phường có lực lượng dân quân thường trực; xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh; loại bỏ 1 chỉ tiêu về tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm duy trì ở mức 0,5 - 0,75%; giữ nguyên 9 chỉ tiêu.

5. Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; tổ chức không gian phát triển

5.1. Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Tiếp tục xác định 03 trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh là Công nghiệp chế biến, chế tạo - Nông nghiệp - Du lịch; cập nhật các nội dung bên trong theo hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và các định hướng mới của ngành theo quy hoạch cấp trên.

b) Bổ sung 2 lĩnh vực tiềm năng phát triển thành trụ cột mới gồm:

- Lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Lĩnh vực logistics và dịch vụ cảng.

5.2. Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực còn lại:

Cập nhật các định hướng mới của các ngành, lĩnh vực về thương mại, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, đối



ngoại, an ninh, quốc phòng phù hợp với chuyên đổi chính quyền địa phương hai cấp, chuyên đổi số và các định hướng ngành.

5.3. Về phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội

- Về phân vùng phát triển:

Bỏ việc phân chia 5 vùng quy hoạch xây dựng liên huyện và điều chỉnh xác định 03 không gian kinh tế, gồm:

+ Không gian vùng đất, vùng nước ven biển;

+ Không gian vùng đồng bằng;

+ Không gian vùng trung du và miền núi phía Tây;

- Về các trung tâm kinh tế động lực: Bổ sung Khu du lịch Sầm Sơn - Hải Tiến là trung tâm động lực chuyên biệt về phát triển kinh tế du lịch. Toàn tỉnh gồm 01 đô thị trung tâm vùng Bắc Trung Bộ và 04 trung tâm động lực cấp tỉnh: (1) Trung tâm động lực tại trung tâm tỉnh (Đô thị Thanh Hoá và phụ cận) (2) Trung tâm động lực tại phía Nam (Khu Kinh tế Nghi Sơn); (3) Trung tâm động lực tại phía Đông (Khu du lịch Sầm Sơn - Hải Tiến và phụ cận); (4) Trung tâm động lực tại phía Bắc (Khu vực Bim Sơn - Thạch Quảng và phụ cận); (5) Trung tâm động lực tại phía Tây (Khu vực Lam Sơn - Sao Vàng và phụ cận).

- Về các hành lang kinh tế: Giữ nguyên 06 hành lang theo quy hoạch đã được phê duyệt gồm: (1) Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông; (2) Hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây; (3) Hành lang kinh tế Đông - Tây; (4) Hành lang kinh tế Đông Bắc; (5) Hành lang kinh tế ven biển; (6) Hành lang kinh tế quốc tế.

6. Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống đô thị, các khu chức năng; khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

6.1. Về phương hướng phát triển hệ thống đô thị

Điều chỉnh hệ thống đô thị phù hợp với chính quyền địa phương 2 cấp và các định hướng mới về phát triển đô thị quốc gia.

- Sau khi điều chỉnh, hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 có 38 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II trung tâm cấp vùng Bắc Trung Bộ đồng thời là trung tâm tỉnh; 04 đô thị loại II trung tâm động lực của tỉnh; 33 đô thị loại III (cụ thể: 01 Đô thị trung tâm cấp vùng Bắc Trung Bộ, đồng thời là trung tâm tỉnh là Đô thị Thanh Hóa, gồm 07 phường hiện trạng, là đô thị hiện hữu loại II; 04 đô thị trung tâm động lực của tỉnh: Sầm Sơn, Bim Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn – Sao Vàng (là các đô thị liên phường, đô thị mới liên xã loại II); 04 đô thị mới liên xã Hoàng Hóa, Quảng Xương, Thiệu Hóa, Tân Ninh là đô thị loại III; 17 đô thị mới phạm vi 01 xã là đô thị loại III; 12 khu vực thuộc xã (các thị trấn cũ, các khu vực thuộc xã đã được công nhận đô thị loại V) sau sáp nhập được chuyển tiếp công nhận đô thị loại III).

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 50% trở lên.

- Lồng ghép nội dung phát triển đô thị thông minh trong quy hoạch các đô thị. Phát triển các tuyến giao thông công cộng dọc các hành lang phát triển và

kết nối các trung tâm động lực làm cơ sở phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD): gồm hành lang ven biển và hành lang trung tâm.

- Tầm nhìn đến năm 2050, các đô thị thuộc mạng lưới đô thị tỉnh Thanh Hóa đạt trình độ phát triển của đô thị loại II, các đô thị trung tâm đạt trình độ phát triển của đô thị loại I.

6.2. Về phương hướng phát triển các khu chức năng

a) Về các Khu Kinh tế (KKT)

- Bổ sung Khu Kinh tế số và đổi mới sáng tạo Thanh Hóa là khu kinh tế chuyên biệt nhằm tạo không gian phát triển mới (Định hướng tại điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026; trong đó về phương hướng phát triển các khu kinh tế: “Nghiên cứu phát triển các khu kinh tế theo mô hình mới tại các địa phương có tiềm năng điều kiện hình thành theo quy định, nhằm tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy liên kết và kết nối kinh tế với các tỉnh, thành phố lân cận trong vùng, cả nước và quốc tế), với cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút đầu tư, thúc đẩy nghiên cứu, triển khai và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, phát triển các ngành kinh tế mới, kinh tế số, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo; qua đó hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, góp phần tạo động lực tăng trưởng mới cho tỉnh và thúc đẩy kinh tế số của vùng Bắc Trung Bộ (Dự kiến gồm các phân khu: (1) Phân khu 1: phạm vi thuộc các phường Đông Quang, Đông Sơn, Hạc Thành, Đông Tiến, Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, các xã Hoàng Châu, Hoàng Thanh, Hoàng Tiến; (2) Phân khu 2: phạm vi thuộc các xã Sao Vàng, Thọ Bình, Thọ Ngọc; quy mô, diện tích khu kinh tế khoảng 25.000-30.000ha).

- Nghiên cứu hình thành các Khu thương mại tự do gắn với phát triển của các Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

b) Về các Khu công nghiệp (KCN)

- Các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn: Cơ bản giữ ổn định theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Các khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Nghi Sơn: Điều chỉnh mô hình chuyển đổi từ khu công nghiệp sang cụm công nghiệp đối với các khu công nghiệp không đảm bảo về quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật, lao động, khó thu hút đầu tư; đồng thời, bổ sung các khu công nghiệp tại các vị trí thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, quỹ đất, lao động, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung và ngành công nghiệp nói riêng.

c) Về các Cụm công nghiệp (CCN)

Đưa ra ngoài quy hoạch đối với các cụm công nghiệp không đảm bảo về quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật, lao động, khó thu hút đầu tư; đồng thời, bổ sung các cụm công nghiệp tại các vị trí thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật, quỹ đất, lao động, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung và ngành công nghiệp nói riêng.

d) Về các Khu du lịch

Cập nhật Quyết định số 509/2023/QĐ-TTg ngày 13/6/2021 của Thủ tướng



Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 374/QĐ-BVHTTDL ngày 28/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, cập nhật Khu Du lịch Sầm Sơn - Hải Tiến là khu du lịch biển quốc gia; Khu du lịch Bến En, Khu du lịch Pù Luông là các khu du lịch quốc gia tiềm năng sau năm 2030. Bổ sung các khu du lịch cấp tỉnh theo định hướng của ngành và chủ trương của cấp có thẩm quyền có liên quan.

e) Về các khu chức năng khác

- Nghiên cứu quy hoạch khu Trung tâm hành chính mới của tỉnh Thanh Hóa xứng danh 1000 năm Danh xưng Thanh Hóa gắn với bảo tàng, trung tâm hội nghị, công viên văn hóa và quảng trường, bố trí tại khu vực Đô thị Thanh Hóa.

- Bổ sung quy hoạch các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; khu trung tâm dữ liệu; khu trung tâm bưu chính tại các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh nhằm hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và kinh tế số.

- Kế thừa quy hoạch các khu chức năng văn hóa; khu thể dục thể thao; khu phức hợp y tế cấp tỉnh theo quy hoạch được duyệt đã xác định như Khu công viên văn hóa xứ Thanh, Khu liên hợp thi đấu và huấn luyện thể thao, Khu phức hợp Y tế. Bổ sung yêu cầu bố trí trong quy hoạch đô thị và nông thôn các khu thể thao, vui chơi giải trí ngoài trời.

- Rà soát, cập nhật theo các định hướng mới của ngành về các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phương hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

6.3. Về phương hướng phát triển các khu vực khó khăn

Cập nhật phương hướng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và danh mục các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn sau khi hình thành chính quyền 2 cấp theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của UBND tỉnh và các quyết định khác của cấp có thẩm quyền có liên quan.

7. Điều chỉnh phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

Điều chỉnh phương hướng phát triển các hệ thống hạ tầng kỹ thuật sau khi rà soát, cập nhật các định hướng mới tại các quy hoạch ngành, lĩnh vực quốc gia và khắc phục các bất cập trong quá trình thực hiện quy hoạch được duyệt, đáp ứng nhu cầu phát triển của hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng, gồm:

- Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông: gồm đường bộ, đường thủy, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không theo hướng tăng cường kết nối giao thông trong nội tỉnh với các hệ thống quốc gia, tăng cường liên kết trong tỉnh, liên kết vùng với các tỉnh Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Sơn La, Hòa Bình; liên kết với các cực tăng trưởng Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng.

- Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện: gồm phát triển nguồn điện và lưới điện theo quy hoạch Điện VIII quốc gia; nguồn điện, lưới điện thuộc thẩm quyền quyết định của tỉnh (nguồn điện dưới 50MW đấu nối lưới dưới

220kV; lưới điện từ 110kV trở xuống; mạng lưới trung áp, hạ áp).

- Phương hướng phát triển hạ tầng năng lượng: gồm kho dầu dự trữ quốc gia, kho xăng dầu, kho khí đốt (LNG, LPG) và các hệ thống đường ống dẫn.

- Điều chỉnh các phương hướng phát triển hạ tầng khác gồm: Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông; phương hướng phát triển hạ tầng cấp nước sinh hoạt; phương hướng phát triển hạ tầng thủy lợi; phương hướng hạ tầng xử lý chất thải rắn và nghĩa trang; phương hướng hạ tầng phòng cháy chữa cháy; phương hướng phát triển các khu cửa khẩu.

8. Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội trên cơ sở rà soát, cập nhật các quy định của ngành theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tại cấp độ quy hoạch tỉnh gồm các nội dung:

- Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại: gồm hệ thống chợ hạng I; hệ thống trung tâm thương mại hạng I; trung tâm hội chợ, triển lãm; hệ thống trung tâm logistics.

- Phương hướng phát triển hạ tầng y tế: gồm các trung tâm y tế cấp tỉnh, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp cơ bản và cấp chuyên sâu; trạm y tế cấp xã; cơ sở y tế thuộc Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa; khuyến khích phát triển hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập.

- Phương hướng phát triển hạ tầng giáo dục đào tạo: gồm phát triển Trường Đại học Hồng Đức; các cơ sở đại học ngoài công lập; phân hiệu đại học quốc gia tại tỉnh Thanh Hóa; phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật.

- Phương hướng phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao: cập nhật định hướng mới của ngành về thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và định hướng tiếp tục tinh giảm bộ máy.

- Điều chỉnh các phương hướng phát triển hạ tầng xã hội khác gồm: Phương hướng phát triển hệ thống bảo trợ xã hội, phương hướng phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trên cơ sở rà soát các quy hoạch cấp trên và nhu cầu phát triển của tỉnh.

9. Điều chỉnh các phương hướng bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; quản lý về địa chất, khoáng sản; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

9.1. Cơ bản giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt; cập nhật các quy hoạch ngành cấp trên; cập nhật địa danh sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

9.2. Đối với phương án quản lý về địa chất khoáng sản

- Cập nhật các khu vực đã được khoanh định thuộc Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng các loại khoáng sản; Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Giữ nguyên các mỏ đã có trong quy hoạch tỉnh được duyệt;
- Cập nhật, bổ sung các mỏ khoáng sản nhóm III và các mỏ khác thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo quy định.

10. Điều chỉnh định hướng sử dụng đất

Cập nhật phương án sử dụng đất UBND tỉnh đã báo cáo Bộ Nông nghiệp và môi trường: Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên 1.112.077 ha, trong đó: diện tích nhóm đất nông nghiệp là 863.467 ha; nhóm đất phi nông nghiệp là 235.324 ha; nhóm đất chưa sử dụng là 13.286 ha.

(Diện tích tăng khoảng 961 ha do các dự án lấn biển tại Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu vực ven biển Hoàng Tiến, Vạn Lộc và các khu vực khác).

11. Dự kiến các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về huy động vốn đầu tư;
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;
- Giải pháp về môi trường;
- Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển;
- Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn;
- Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;
- Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong